

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST

Ngày 03-11-2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thơm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành
2. Ông Nguyễn Hoàng Thôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp D, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang . (Có mặt).
2. Bị đơn: Anh **Trần Hoàng A**, sinh năm 1975
HKTT: Ấp D, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1948

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

3.2 Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị K trình bày như sau:

Chị K và anh Hoàng A chung sống với nhau vào năm 2014 nhưng không tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 22/7/2015 anh chị đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ1.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Hoàng A có tính ghen tuông, nhiều lần ghen tuông vô cớ rồi hành hung đánh đập, cầm dao rượt chém vợ ở nơi đông người làm cho chị K thấy mất mặt, xấu hổ với mọi người. Ngoài ra anh Hoàng A còn tham gia tệ nạn xã hội đánh cờ bạc gây nợ nần làm cho gia đình lâm vào hoàn cảnh túng quẫn. Chị K không thể khuyên nhủ chồng được do vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau do đó anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị K yêu cầu xin ly hôn chồng.

Về con chung: Chị K xác định có 01 con chung là cháu Trần Hoàng B, sinh ngày 19/6/2015. Chị Kiều có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh Hoàng A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị K xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị K tiếp tục xin ly hôn với anh Hoàng A, đồng ý giao

con chung cho anh Hoàng A nuôi dưỡng đồng thời không cấp dưỡng nuôi con cho anh Hoàng A. Về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung xác định vợ chồng có nợ của bà Lê Thị L (Mẹ ruột chị K) 05 chỉ vàng 24kara và nợ của ông Trần Văn S (Cha của anh Hoàng A) 05 chỉ vàng 24kara. Đối với các số nợ trên chị K đề nghị như sau: Chị K có trách nhiệm trả nợ cho bà L còn anh Hoàng A có trách nhiệm trả nợ cho ông S.

Quá trình làm việc tòa Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Trần Hoàng A trình bày như sau:

Anh Hoàng A xác nhận vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2014 và đến ngày 22/7/2015 đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1. Anh Hoàng A cho rằng vợ chồng không xảy ra các mâu thuẫn như chị K trình bày, cụ thể không đánh đập hành hung vợ, không tham gia bài bạc. Tuy nhiên mỗi khi chị K nói đi đâu thì anh Hoàng A đến đó nhưng không gặp chị K làm cho anh Hoàng A không có sự tin tưởng vợ dẫn đến cự cãi. Từ tháng 10 năm 2017 sau khi xảy ra cự cãi chị K và anh Hoàng A ly thân cho tới nay. Anh Hoàng A nhận thấy còn thương vợ, thương con nên muốn vợ chồng quay về đoàn tụ và không đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung anh Hoàng A xác định vợ chồng có 01 con chung như lời trình bày của chị K là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh Hoàng A có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung anh Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung anh Hoàng A xác định có nợ của cha ruột là ông Trần Văn S 05 chỉ vàng 24kara. Trường hợp ly hôn anh Hoàng A đề nghị vợ chồng mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ. Riêng số nợ 05 chỉ vàng 24 kara chị K cho rằng vợ chồng có nợ của bà Lê Thị L anh Hoàng A không trực tiếp vay nợ nên không biết số nợ này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S trình bày:

Vào khoảng tháng 4 năm 2017 vợ chồng anh Hoàng A và chị K có hỏi vay của ông S 05 chỉ vàng 24kara để trả nợ tiền đánh bài bị thua đến nay chưa trả. Nay vợ chồng anh Hoàng A và chị K ly hôn ông S yêu cầu mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ nêu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:

Vào đầu năm 2017 vợ chồng anh Hoàng A và chị K có vay của bà L 05 chỉ vàng 24kara để trả nợ cho người khác đến nay chưa trả. Số nợ nêu trên bà L tự thỏa thuận với anh Hoàng A và chị K, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Trích lục kết hôn (Bản sao); trích lục khai sinh cháu Trần Hoàng B (Bản sao); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng). Bị đơn thống nhất với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp gì thêm.

Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị K và anh Hoàng A xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Hoàng A không chí thú làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, có lần còn đánh chị K ngoài đường dẫn đến vợ chồng cự cãi. Vợ chồng anh chị đã ly thân khoảng một năm nay. Sau khi anh chị ly thân con ở với cha có cuộc sống sinh hoạt bình thường.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (Nguyên đơn, bị đơn) đảm bảo đúng theo quy định, đề nghị áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị K được ly hôn với anh Hoàng A; đề nghị áp dụng Điều 81 Bộ luật tố tụng dân sự giao con chung cho chị Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của Hoàng A không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị K và anh Hoàng A cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa ông Trần Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, bà Lê Thị L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị K xin ly hôn và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Chị K và anh Hoàng A chung sống với nhau có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1 theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Hoàng A cho rằng giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh Hoàng A còn thương vợ và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên qua kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho thấy đời sống vợ chồng của anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh Hoàng A tham gia tệ nạn xã hội đánh cờ bạc làm hao tổn tài sản gia đình, ngoài ra còn có hành vi ghen tuông rồi cầm dao rượt chém, đánh đập vợ. Nhận thấy, trong cuộc sống vợ chồng không có sự tôn trọng, tin tưởng, thương yêu và chia sẻ cùng nhau, người chồng còn có hành vi bạo hành vợ, hiện tại vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài sau khi được hòa giải động viên để hàn gắn nhưng không thành nên có

cơ sở để nhận định mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần thiết cho anh chị ly hôn là phù hợp.

Về con chung: Chị K và anh Hoàng A cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Hoàng B, sinh ngày 19/6/2015 hiện đang sống với anh Hoàng A. Tại phiên tòa anh Hoàng A có yêu cầu được nuôi con và chị K đồng ý giao con chung cho anh Hoàng A nuôi dưỡng. Nhận thấy, hiện tại anh Hoàng A có nhà riêng, có thu nhập để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cho con chung và chị K cũng đồng ý giao con cho anh Hoàng A nuôi dưỡng do đó Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Trần Hoàng B cho anh Hoàng A nuôi dưỡng. Khi cần thiết anh chị có thể làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị K và anh Hoàng A không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị K xác định vợ chồng có nợ của bà Lê Thị L 05 chỉ vàng 24kara, nợ của ông Trần Văn S 05 chỉ vàng 24kara; anh Hoàng A xác định có nợ của ông Trần Văn S 05 chỉ vàng 24kara. Tòa án đã có văn bản thông báo cho bà L và ông S biết việc làm đơn yêu cầu độc lập để giải quyết số nợ trong quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị K và anh Hoàng A, tuy nhiên bà L không có yêu cầu và ông S không làm đơn yêu cầu giải quyết nên không được xem xét giải quyết trong cùng vụ án này. Đối các số nợ trên khi có yêu cầu bà L và ông S có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do chị K là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở

và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Trần Hoàng A.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng B, sinh ngày 19/6/2015 cho anh Trần Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Hoàng A về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Hoàng A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Những người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007162 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị K và anh Trần Hoàng A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/12/2018). Ông Trần Văn S và bà Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ1;
- Lưu, HS, VP.

Đinh Thị Thơm